TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Khoái Châu, ngày 19 tháng 12 năm 2022.*

Số: 04/2022/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2022/TLST-DS, ngày 11/11/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: N, phường V, quận C, thành phố H1.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H - Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Thương Tín chi nhánh Hưng Yên, theo quyết định ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL, ngày 27/12/2021. Địa chỉ trụ sở: Đường N, phường B, M, tỉnh Hưng Yên.

Người được ông Hùng ủy quyền là ông Vũ Thanh T - Trưởng phòng giao dịch Khoái Châu, theo giấy ủy quyền số 44/2021/GUQ-CNHY, ngày 31/12/2021.Địa chỉ trụ sở: Khu TTTM Đ, thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

1.2. Đồng bị đơn: Bà Phạm Thị N1 – sinh năm 1971 và ông Đặng Văn T1 – sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn N2 - xã Đ1 huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Đều có mặt).

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Ông Phạm Văn K1 sinh năm 1969.

1.3.2. Bà Nguyễn Thị S1 – sinh năm 1971.

1.3.3. Anh Phạm Văn H3 – sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn N2 - xã Đ huyện K, tỉnh Hưng Yên.

1.3.4. Chị Phạm Thị H4 – sinh năm 1995. Trú tại: phường B1 – thị xã M - tỉnh Hưng Yên.

Người được anh H3, chị H4 ủy quyền là ông Đặng Văn T1 – sinh năm 1965. Địa chỉ: Thôn N2 - xã Đ1 huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tổng số tiền ông Đặng Văn T1 và bà Phạm Thị N1 còn nợ Ngân hàng TMCP S:

Tính đến hết ngày 09/12/2022 thì tổng số tiền ông T1 và bà N1 còn nợ ngân hàng S là **436.157.574đ** (Bốn trăm ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bẩy mươi tư đồng), trong đó: Tiền gốc là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), lãi trong hạn là 12.143.835đ (Mười hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng); lãi quá hạn lãi 120.969.868đ (Một trăm hai mươi triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi tám đồng; lãi phạt quá hạn lãi là 3.043.871đ (Ba triệu không trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm bẩy mươi mốt đồng).

2.2. Thời hạn trả nợ: Ông T1, bà N1 thanh toán trả cho Ngân hàng S toàn bộ số tiền là 436.157.574đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bẩy mươi tư đồng) trong thời hạn tối đa 06 (Sáu) tháng, kể từ tháng 01/2023 đến hết tháng 06/2023. Phương án trả nợ cụ thể như sau:

+ Kể từ tháng 01/2023 đến hết ngày 31/05/2023, mỗi tháng ông T1 và bà N1 phải thanh toán trả cho Ngân hàng S số tiền tối thiểu là 9.000.000đ/1 tháng (Chín triệu đồng trên một tháng). Ngày trả chậm nhất của mỗi tháng là vào ngày cuối cùng của tháng đó. Số tiền thanh toán này được trừ vào nợ gốc trước, nợ lãi sau.

+ Chậm nhất là ngày 30/06/2023, ông T1 và bà N1 phải trả cho Ngân hàng S toàn bộ số nợ gốc còn lại và toàn bộ tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán.

Kể từ ngày 10/12/2022, ông T1 và bà N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa

thuận trong hợp đồng cho vay đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng S thì lãi suất đối với số tiền mà ông T1 và bà N1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng S theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng S.

2.3. Về tài sản thế chấp: Kể từ khi quyết định công nhận sự thỏa thuận của ngân hàng S và ông T1, bà N1 có hiệu lực pháp luật, nếu ông T1 và bà N1 không trả nợ, trả nợ không đầy đủ hoặc vi phạm bất kỳ một kỳ hạn trả nợ nào như đã thỏa thuận nêu trên, Ngân hàng S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành ngay việc kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 1510700068, ngày 17/04/2015 được ký kết, thỏa thuận giữa ông T1 và bà N1, ông K1 và bà S1 với ngân hàng S là: Quyền sử dụng diện tích đất 227,4m^2 thuộc thửa số 155, tờ bản đồ số 20 và tài sản gắn liền với đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK1002206, số vào sổ cấp là CH03442 do UBND huyện Khoái Châu cấp ngày 07/09/2012, mang tên ông Phạm Văn K1 và bà Nguyễn Thị S1 ở thôn N2 – xã Đ1 - huyện K - tỉnh Hưng Yên (Có sơ đồ vẽ kèm theo), để thu hồi toàn bộ khoản nợ (gốc, lãi còn lại và lãi phát sinh) mà không phải chờ đến kỳ hạn cuối cùng.

Số tiền thu được sau khi phát mại tài sản đảm bảo được dùng để trả nợ cho ngân hàng S, nếu còn thừa sẽ được trả lại cho người phải thi hành án. Trường hợp sau khi phát mại tài sản đảm bảo mà vẫn chưa đủ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng S thì ông T1 và bà N1 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh liên quan (nếu có) tại Ngân hàng S.

2.4. Về án phí:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và ông T1, bà N1 thỏa thuận, thống nhất: Ông T1 và bà N1 chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại tương ứng với số tiền phải thanh toán 436.157.574đ (Bốn trăm ba mươi sáu triệu một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bẩy mươi tư đồng). Do hai bên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên ông T1, bà N1 phải chịu 50% số tiền án phí có giá ngạch là: 10.723.150đ (Mười triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn một trăm năm mươi đồng).

- Ngân hàng TMCP S) - Người đại diện theo ủy quyền là ông Vũ Thanh T được hoàn trả lại 10.483.000đ (Mười triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền tạm

ứng án phí theo biên lai thu số 0008012, ngày 11/11/2022 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã Đ1
- VKSND huyện K;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu H5